



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.600.000.000 đồng  
Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2017: 18.600.000.000 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 24.9711404 - 8213786
- Website: [www.bandotranhanh.vn](http://www.bandotranhanh.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 47 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 7 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                           |              |                              |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Thành     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016     |
| • Ông Ngô Trọng Vinh      | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016     |
|                           | Thường trực  |                              |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016     |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà     | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016     |
| • Bà Đặng Thị Như         | Ủy viên      | Bổ nhiệm lại ngày 14/04/2016 |

### *Ban Kiểm soát*

- |                           |            |                          |
|---------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Trà Giang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh   | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng  | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 14/04/2016 |

### *Ban Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                |  |
|---------------------------|----------------|--|
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016             |
| • Ông Lê Phú              | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016             |
|                           |                | Nghỉ hưu hưởng chế độ từ ngày 01/03/2017 |
| • Bà Đặng Thị Như         | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 05/05/2016             |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng ; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;





Số: 869/BCSX-AAC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh Ảnh Giáo dục**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 27/07/2017 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh Ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 27.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.090.603.043</b>	<b>35.598.326.024</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.049.758.280</b>	<b>17.757.539.551</b>
1. Tiền	111	5	3.049.758.280	3.757.539.551
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	9.000.000.000	14.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.313.800.417</b>	<b>12.519.147.859</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	27.539.646.035	12.933.360.374
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		196.308.182	6.308.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	139.602.664	55.722.760
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(561.756.464)	(476.243.457)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>6.580.165.502</b>	<b>5.301.254.965</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.504.611.365	7.123.523.266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.924.445.863)	(1.822.268.301)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>146.878.844</b>	<b>20.383.649</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	146.878.844	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	20.383.649
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.437.834.508</b>	<b>1.551.194.209</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>430.975.922</b>	<b>534.487.610</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	430.975.922	534.487.610
- Nguyên giá	222		3.061.867.516	3.488.870.569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.630.891.594)	(2.954.382.959)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.858.586</b>	<b>16.706.599</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	6.858.586	16.706.599
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>47.528.437.551</b>	<b>37.149.520.233</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.627.620.431</b>	<b>6.735.103.586</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.627.620.431</b>	<b>6.735.103.586</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	12.400.296.623	3.472.076.123
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		142.012.704	107.974.654
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	407.544.607	128.178.269
4. Phải trả người lao động	314		2.999.866.558	2.443.901.614
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.063.332.754	45.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	451.163.561	377.569.302
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		163.403.624	160.403.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>29.900.817.120</b>	<b>30.414.416.647</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>29.900.817.120</b>	<b>30.414.416.647</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	18	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	18	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	8.651.650.683	9.165.250.210
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	6.877.250.210	6.370.133.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	1.774.400.473	2.795.116.941
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>47.528.437.551</b>	<b>37.149.520.233</b>



Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	31.986.623.321	32.041.211.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	113.993.353	90.481.593
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31.872.629.968	31.950.730.243
4. Giá vốn hàng bán	11	21	22.803.546.756	23.365.603.919
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>9.069.083.212</b>	<b>8.585.126.324</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	245.800.398	204.041.730
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23a	4.232.304.527	3.685.319.068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	2.845.910.266	2.815.020.103
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.236.668.817</b>	<b>2.288.828.883</b>
11. Thu nhập khác	31	24	1.722.169	370.994
12. Chi phí khác	32	25	277.669	2.598.580
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.444.500</b>	<b>(2.227.586)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.238.113.317</b>	<b>2.286.601.297</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	463.712.844	471.552.777
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.774.400.473</b>	<b>1.815.048.520</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.008	1.031
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.008	1.031



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		6 tháng đầu	6 tháng đầu
	số	minh	năm 2017 VND	năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.238.113.317	2.286.601.297
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12	103.511.688	103.511.688
- Các khoản dự phòng	03		187.690.569	13.651.017
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22	(247.436.762)	(204.041.730)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		2.281.878.812	2.199.722.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.871.130.867)	(11.780.414.115)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(1.381.088.099)	(2.982.982.346)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.546.362.643	10.138.037.626
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11	(137.030.831)	(422.990.050)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(120.700.667)	(161.066.094)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.000.000	4.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.000.000)	(72.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(3.678.709.009)</b>	<b>(3.078.542.707)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	24	1.636.364	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8; 22	257.149.349	208.398.806
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>258.785.713</b>	<b>208.398.806</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17,18c	(2.287.857.975)	(2.463.847.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(2.287.857.975)</b>	<b>(2.463.847.050)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(5.707.781.271)</b>	<b>(5.333.990.951)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5; 6	17.757.539.551	16.380.866.810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5; 6	<b>12.049.758.280</b>	<b>11.046.875.859</b>



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## 1. Đặc điểm hoạt động

### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

## 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 (bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

**4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí tem chống lậu, bìa nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.6 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**4.7 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

**Cổ phiếu Quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.9 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.11 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.12 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.13 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bàn đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bàn đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD-Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	153.187.478	185.850.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.896.570.802	3.571.689.551
<b>Cộng</b>	<b>3.049.758.280</b>	<b>3.757.539.551</b>

**6. Các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	9.000.000.000	14.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	3.938.686.110	1.416.061.998
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	1.766.600.084	1.241.709.880
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	1.160.491.560	1.071.803.240
Công ty TNHH Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	2.649.389.824	947.903.164
Các đối tượng khác	18.024.478.457	8.255.882.092
<b>Cộng</b>	<b>27.539.646.035</b>	<b>12.933.360.374</b>

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/06/2017	01/01/2017
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	1.160.491.560	1.071.803.240
Công ty Cổ phần Học liệu	423.393.160	523.393.160
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	332.069.776	561.040.544
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	804.507.840	53.760.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	1.685.404.280	274.990.486
Các đối tượng khác	1.750.274.914	817.884.086
<b>Cộng</b>	<b>6.156.141.530</b>	<b>3.302.871.516</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu khác

#### Ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	34.573.243	-	45.922.194	-
Phải thu thuế TNCN	26.476.762	-	1.247.908	-
Tạm ứng	75.000.000	-	-	-
Phải thu khác	3.552.659	-	8.552.658	-
<b>Cộng</b>	<b>139.602.664</b>	<b>-</b>	<b>55.722.760</b>	<b>-</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	561.756.464	476.243.457
- Từ 3 năm trở lên	218.467.200	218.467.200
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	81.084.175	159.896.592
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	262.205.090	97.879.665
<b>Cộng</b>	<b>561.756.464</b>	<b>476.243.457</b>

#### Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2017			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng				
- Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	165.000.000	-	> 3 năm	Không có khả năng thu hồi, do khách hàng thay đổi chủ sở hữu
- Công ty CP Sách TBGD Thăng Long	53.467.200	-	> 3 năm	Khó có khả năng thu hồi
- Các đối tượng khác	2.707.642.481	2.364.353.217	6 tháng - dưới 3 năm	Đang tích cực đôn đốc thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>2.926.109.681</b>	<b>2.364.353.217</b>		

(\*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48.154.746	-	16.444.772	-
Công cụ, dụng cụ	3.480.000	-	-	-
Thành phẩm	5.766.691.399	1.511.126.011	4.594.726.104	1.463.003.708
Hàng hóa	2.686.285.220	413.319.852	2.512.352.390	359.264.593
<b>Cộng</b>	<b>8.504.611.365</b>	<b>1.924.445.863</b>	<b>7.123.523.266</b>	<b>1.822.268.301</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2017 là 1.572.227.132 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2017.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Bìa nhựa Atlat	134.563.155	-
Tem chống in lậu	12.315.689	-
<b>Cộng</b>	<b>146.878.844</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	6.858.586	15.888.889
Tem chống in lậu	-	817.710
<b>Cộng</b>	<b>6.858.586</b>	<b>16.706.599</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	342.503.748	2.486.967.700	659.399.121	3.488.870.569
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	427.003.053	427.003.053
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.486.967.700</b>	<b>232.396.068</b>	<b>3.061.867.516</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	342.503.748	1.952.480.090	659.399.121	2.954.382.959
Khấu hao trong kỳ	-	103.511.688	-	103.511.688
Giảm trong kỳ	-	-	427.003.053	427.003.053
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.503.748</b>	<b>2.055.991.778</b>	<b>232.396.068</b>	<b>2.630.891.594</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	534.487.610	-	534.487.610
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>430.975.922</b>	<b>-</b>	<b>430.975.922</b>

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 1.819.727.244 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
XN Bàn đồ 1 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bàn đồ	2.793.765.652	457.962.824
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	2.737.936.049	847.370.285
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	1.164.996.272	1.459.664.351
Các đối tượng khác	5.703.598.650	707.078.663
<b>Cộng</b>	<b>12.400.296.623</b>	<b>3.472.076.123</b>

#### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH TP. HCM	1.164.996.272	1.459.664.351
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	285.210.000	13.880.000
<b>Cộng</b>	<b>1.450.206.272</b>	<b>1.473.544.351</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	71.425.433	53.066.282	18.359.151
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.973.280	463.712.844	120.700.667	388.985.457
Thuế thu nhập cá nhân	82.204.989	174.313.957	256.318.947	199.999
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	113.953.804	113.953.804	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>128.178.269</b>	<b>826.406.038</b>	<b>547.039.700</b>	<b>407.544.607</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Trích trước chi phí đi nghỉ hè năm 2017 cho CBCNV	218.750.000	-
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	844.582.754	-
Chi phí phải trả khác	-	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.063.332.754</b>	<b>45.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	190.999.920	168.154.550
Thù lao HĐQT, BKS	110.418.301	16.888.301
Thuế TNCN thu thừa	146.428.255	189.351.391
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.808.085	1.666.060
Phải trả khác	1.509.000	1.509.000
<b>Cộng</b>	<b>451.163.561</b>	<b>377.569.302</b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	8.834.133.269
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.795.116.941
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.464.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>9.165.250.210</b>
Số dư tại 01/01/2017	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.165.250.210
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.774.400.473
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	2.288.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2017</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>8.651.650.683</b>

#### b. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.165.250.210	8.834.133.269
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	1.774.400.473	2.795.116.941
Phân phối lợi nhuận	2.288.000.000	2.464.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	2.288.000.000	2.464.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Chia cổ tức	2.288.000.000	2.464.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>8.651.650.683</b>	<b>9.165.250.210</b>

(\*) Lợi nhuận năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 12/04/2017.

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán sách tham khảo	1.325.680	993.700
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	20.972.225.199	20.966.994.403
Doanh thu phim, băng đĩa	14.333.510	16.478.500
Doanh thu thiết bị giáo dục	10.998.738.932	11.056.745.233
Doanh thu khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.986.623.321</b>	<b>32.041.211.836</b>

### 20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chiết khấu thương mại	16.540	20.276.120
Hàng bán bị trả lại	113.976.813	70.205.473
<b>Cộng</b>	<b>113.993.353</b>	<b>90.481.593</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách tham khảo	866.637	765.084
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	13.694.854.709	14.202.338.319
Giá vốn phim, băng đĩa	10.245.921	13.785.741
Giá vốn thiết bị giáo dục	8.995.401.927	9.140.434.033
Giá vốn khác	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	102.177.562	8.280.742
<b>Cộng</b>	<b>22.803.546.756</b>	<b>23.365.603.919</b>

### 22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	245.800.398	204.041.730
<b>Cộng</b>	<b>245.800.398</b>	<b>204.041.730</b>

### 23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí vận chuyển bán hàng	401.495.879	321.674.138
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.736.670.391	1.541.860.109
Chi phí thuê kho, phân bổ CCDC	499.200.000	524.633.454
Các khoản khác	1.594.938.257	1.297.151.367
<b>Cộng</b>	<b>4.232.304.527</b>	<b>3.685.319.068</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.343.851.046	1.529.184.623
Chi phí thuê nhà	261.426.046	255.747.810
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	85.513.007	5.370.275
Chi phí hội nghị khách hàng	312.182.150	348.214.534
Các khoản khác	842.938.018	676.502.861
<b>Cộng</b>	<b>2.845.910.266</b>	<b>2.815.020.103</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu từ thanh lý tài sản	1.636.364	363.636
Các khoản khác	85.805	7.358
<b>Cộng</b>	<b>1.722.169</b>	<b>370.994</b>

### 25. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Phạt chậm nộp thuế	50.901	2.200.553
Các khoản khác	226.768	398.027
<b>Cộng</b>	<b>277.669</b>	<b>2.598.580</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.238.113.317	2.286.601.297
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	80.450.901	31.297.500
- Điều chỉnh tăng	80.450.901	31.297.500
+ Chi phí không hợp lệ	50.901	-
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	80.400.000	31.297.500
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.318.564.218	2.317.898.797
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>463.712.844</b>	<b>471.552.777</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	463.712.844	463.579.759
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	7.973.018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.774.400.473	1.815.048.520
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.774.400.473	1.815.048.520
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.008</b>	<b>1.031</b>

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.422.215.659	1.303.270.518
Chi phí nhân công	4.312.530.749	4.259.963.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.511.688	103.511.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.471.773.416	15.130.459.121
Chi phí khác bằng tiền	1.519.266.341	1.341.346.805
<b>Cộng</b>	<b>21.829.297.853</b>	<b>22.138.551.407</b>

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bàn đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 30. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường về giá, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

### Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	12.400.296.623	-	12.400.296.623
Chi phí phải trả	1.063.332.754	-	1.063.332.754
Phải trả khác	260.163.641	-	260.163.641
<b>Cộng</b>	<b>13.723.793.018</b>	<b>-</b>	<b>13.723.793.018</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	3.472.076.123	-	3.472.076.123
Chi phí phải trả	45.000.000	-	45.000.000
Phải trả khác	209.414.752	-	209.414.752
<b>Cộng</b>	<b>3.726.490.875</b>	<b>-</b>	<b>3.726.490.875</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>30/06/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.049.758.280	-	12.049.758.280
Phải thu khách hàng	26.977.889.571	-	26.977.889.571
Phải thu khác	64.602.664	-	64.602.664
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>39.092.250.515</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>40.092.250.515</b>
<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.757.539.551	-	17.757.539.551
Phải thu khách hàng	12.457.116.917	-	12.457.116.917
Phải thu khác	55.722.760	-	55.722.760
Đầu tư tài chính	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.270.379.228</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>31.270.379.228</b>

### 31. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục VN tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục VN tại TP.Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	<b>Giao dịch</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>
Nhà xuất bản Giáo dục VN tại thành phố Cần Thơ	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.098.304.640	885.020.520
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	1.678.596.480	1.828.518.160
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.138.879.972	1.977.875.720
Nhà xuất bản Giáo dục VN tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	523.918.180	709.217.500
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	3.005.467.825	3.809.745.928

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thù lao Hội đồng quản trị	110.000.000	57.400.000
Tiền lương Ban Giám đốc	289.534.483	396.773.104

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2017

Kế toán trưởng

Đặng Thị Như

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang